

PHỤ LỤC

Trích dẫn Văn bản hợp nhất 19/VBHN-BCT ngày 09 tháng 5 năm 2014 do Bộ Công Thương ban hành hợp nhất Nghị định về việc quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện

PHỤ LỤC I

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ CẤM KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ)

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành	Cơ quan quản lý ngành
A	Hàng hóa		
1	Vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; quân trang (bao gồm cả phù hiệu, cấp hiệu, quân hiệu của quân đội, công an), quân dụng cho lực lượng vũ trang; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng	Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996; Nghị định số 100/2005/NĐ-CP	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
2	Các chất ma túy	Luật Phòng, chống ma túy năm 2000; Nghị định số 67/2001/NĐ-CP; Nghị định số 133/2003/NĐ-CP	Bộ Công an
3	Hóa chất bảng 1 (theo Công ước quốc tế)	Nghị định số 100/2005/NĐ-CP	Bộ Công nghiệp
4	Các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách	Luật Xuất bản năm 2004; Nghị định số 03/2000/NĐ-CP	Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Công an
5	Các loại pháo	Nghị định số 03/2000/NĐ-CP	Bộ Công an
6	Đồ chơi nguy hiểm, đồ chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em	Nghị định số 03/2000/NĐ-CP	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ

	hoặc tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội (bao gồm cả cả chương trình trò chơi điện tử)		Công an
7	Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật cấm hoặc chưa được phép sử dụng tại Việt Nam theo quy định tại Pháp lệnh Thú y, Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Pháp lệnh Thú y năm 2004; Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2001	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản
8	Thực vật, động vật hoang dã (bao gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đó được chế biến) thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác và sử dụng	Công ước CITES; Nghị định số 32/2006/NĐ-CP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản
9	Thủy sản cấm khai thác, thủy sản có dư lượng chất độc hại vượt quá giới hạn cho phép, thủy sản có độc tố tự nhiên gây nguy hiểm đến tính mạng con người	Luật Thủy sản năm 2003	Bộ Thủy sản
10	Phân bón không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam	Nghị định số 113/2003/NĐ-CP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Giống cây trồng không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh; giống cây trồng gây hại đến sản xuất và sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái	Pháp lệnh Giống cây trồng năm 2004	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12	Giống vật nuôi không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh; giống vật nuôi gây hại cho sức khỏe	Pháp lệnh Giống vật nuôi năm 2004	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ

	con người, nguồn gen vật nuôi, môi trường, hệ sinh thái		Thủy sản
13	Khoáng sản đặc biệt, độc hại	Luật Khoáng sản năm 1996; Nghị định số 160/2005/NĐ-CP	Bộ Tài nguyên và Môi trường
14	Phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường	Nghị định số 175/CP ngày 18/10/1994	Bộ Tài nguyên và Môi trường
15	Các loại thuốc chữa bệnh cho người, các loại vắc xin, sinh phẩm y tế, mỹ phẩm, hóa chất và chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế chưa được phép sử dụng tại Việt Nam	Luật Dược năm 2005; Pháp lệnh Hành nghề y dược tư nhân năm 2003	Bộ Y tế
16	Các loại trang thiết bị y tế chưa được phép sử dụng tại Việt Nam	Pháp lệnh Hành nghề y dược tư nhân năm 2003	Bộ Y tế
17	Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng, thực phẩm có nguy cơ cao, thực phẩm được bảo quản bằng phương pháp chiếu xạ, thực phẩm có gen đã bị biến đổi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép	Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2003	Bộ Y tế
18	Sản phẩm, vật liệu có chứa amiăng thuộc nhóm amfibole	Nghị định số 12/2006/NĐ-CP	Bộ Xây dựng
19	Thuốc lá điếu, xì gà và các dạng thuốc lá thành phẩm khác nhập lậu	Nghị định này	Bộ Công Thương

PHỤ LỤC II
DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ HẠN CHẾ KINH DOANH
(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ)

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành	Cơ quan quản lý ngành
A	Hàng hóa		
1	Súng săn và đạn súng săn, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ	Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996; Nghị định số 08/2001/NĐ-CP	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban Thể dục - Thể thao
2	Hàng hóa có chứa chất phóng xạ, thiết bị phát bức xạ hoặc nguồn phóng xạ	Pháp lệnh An toàn và kiểm soát bức xạ năm 1996; Nghị định số 50/1998/NĐ-CP	Bộ Khoa học và Công nghệ
34 (được bãi bỏ)			
4	Hóa chất bảng 2 và bảng 3 (theo Công ước quốc tế)	Nghị định số 100/2005/NĐ-CP	Bộ Công nghiệp
5	Thực vật, động vật hoang dã quý hiếm (bao gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến)	Công ước CITES; Nghị định số 32/2006/NĐ-CP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thuốc lá điếu, xì gà và các dạng thuốc lá thành phẩm khác	Nghị định số 76/2001/NĐ-CP và Nghị định này	Bộ Công nghiệp, Bộ Thương mại
7	Rượu các loại	Nghị định này	Bộ Công nghiệp